TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2023/DS-PT
Ngày: 20-9-2023
V/v *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 249/2023/QĐ-PT ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị K, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị H: Ông Chế Công Đ, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Số C, đường H, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thị Huyền B, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Ông Văn Bá V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.3. Ông Văn Bá P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Ông Văn Bá S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.5. Bà Văn Thị Ngọc Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.6. Ông Văn Bá N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số C, đường số H, phường A, Q. G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị K.

(Bà H, ông Đ, bà B có mặt tại phiên tòa, bà K và các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Bùi Thị K trình bày: Ngày 06/10/1993, vợ chồng ông bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 302m^2 đất, thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ mang tên Trương T.

Đến ngày 09/7/2007, theo Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 05/8/2004 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất. Diện tích đất thu hồi 177,8m^2 đất (ODT), thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ. Còn lại diện tích 124,2m^2 đất (ODT), thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ.

Ông Trương T chết năm 1995. Ngày 17/3/2011, gia đình bà K đã lập văn bản phân chia thừa kế được Phòng công chứng số 3 công chứng số 646/Q06 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 17/3/2011, ngày 23/3/2011 được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trương T do UBND huyện Đ cấp ngày 06/10/1993. Theo nội dung Văn bản này thì toàn bộ diện tích 124,2m^2 đất (ODT), thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ là thuộc quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị K.

Phía trước mặt tiền giáp đường Quốc lộ 20 hai bên không tranh chấp ranh đất tường xây nhà phía trước. Chuồng heo liền kề nhà chính thụt vào 30cm – 40cm là móng đá chẻ, T1 chuồng heo ra phía sau cách tường 30cm – 40cm dài 18,4m. Năm 2006 – 2007 bà xây chuồng heo, bà đã chừa ra rảnh để làm mương nước chảy.

Năm 2020, bà đi Thành phố Hồ Chí Minh không có nhà thì bà H đã xây móng đá chẻ lấn sang phần đất nhà bà. Làm gia đình bà ngẹt mương thoát nước ra phía sau bị tóp lại.

Nay bà K đã xây móng đá chẻ phía dưới và ở trên là tường gạch dài 18,4m. Phía trước hướng ra Quốc lộ B là móng đá chẻ nhà bà H cách tường nhà bà (K) 40cm là ranh đất giữa 02 nhà không tranh chấp. Kéo dài đến phía sau là 18,4m. Móng đá chẻ nhà bà H cách nhà bà (Khen 10cm) phía sau. Phía móng đá chẻ phía trước không lấn, phía sau móng đá chẻ lấn sang 30cm, chiều dài 18,4m. Tổng diện tích lấn chiếm là 2,76m^2 đất [18,4m x (0,3m/2)]. Tổng diện tích bà H xây trên đất của bà là 2,76m^2 đất, thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ là thuộc quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị K.

Ngày 11/12/2018, bà Khen t cho bà B toàn bộ diện tích 124,2m^2 đất, thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ nhưng chưa sang tên đổi chủ, theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho bà Bùi Thị K và bên được tặng cho bà Trương Thị Huyền B, giữa bà K và bà B không tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho bà Bùi Thị K và bên được tặng cho bà Trương Thị Huyền B lập ngày 11/12/2018 đã được Phòng C1 tỉnh Lâm Đồng công chứng.

Do đó, bà yêu cầu bà H trả lại cho bà 2,76m^2 đất, thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ và tháo dỡ hàng rào gạch, móng đá chẻ trên đất trả lại cho bà.

2. Theo bị đơn bà Phan Thị H do ông Chế Công Đ đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Nguồn gốc đất bà H đang sử dụng hiện nay, ngày 22/6/1989 vợ chồng bà H và ông Phan Tấn Đ1 nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn C sử dụng cho đến nay. Vợ chồng ông Đ1, bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Đ1 chết năm 2003. Ông Đ1 và bà H có tất cả 5 người con Văn Bá Vinh, Văn Bá P, Văn Bá S, Văn Thị Ngọc Q, Văn Bá N.

Nguồn gốc đất của bà K cũng có 01 phần đất 2m mặt tiền trước sau là ông T đổi máy casset để lấy 2m đất mặt tiền này. Phía trước mặt tiền là nhà chính đã xây sát ranh đất hai bên không tranh chấp. Móng đá chẻ là đất bà H, bà H xây trên phần đất bà H. Bên kia móng đá chẻ là đất bà K. Nay ông đại diện theo uỷ

quyền bà H xác định ranh đất giữa bà K và bà H là móng đá chẻ bà H đã xây năm 2020.

Về phần ranh đất giáp nhà bà K đã có ranh đất nên bà H xây tường để làm ranh giới giữa nhà bà H và bà K. Móng đá chẻ phía dưới và ở trên là tường gạch dài 18,4m. Phía trước hướng ra Quốc lộ B là móng đá chẻ nhà bà H cách tường nhà bà K 40cm là ranh đất giữa 02 nhà không tranh chấp. Kéo dài đến phía sau là 18,4m. Móng đá chẻ nhà bà H cách nhà bà K 10cm phía sau là bà H xây móng đá chẻ đúng đất của bà H. Phía móng đá chẻ phía trước không lấn, phía sau móng đá chẻ phía sau không lấn sang bà đất bà K.

Với yêu cầu khởi kiện của bà K yêu cầu bà H trả lại diện tích 2,76m^2 đất và tháo dỡ hàng rào gạch, móng đá chẻ trả lại đất cho bà K thì bà H không đồng ý vì bà H đã xây dựng móng đá chẻ và tường gạch trên đất của bà H.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1.Bà Trương Thị Huyền B trình bày:

Nay bà K đã xây móng đá chẻ phía dưới và ở trên là tường gạch dài 18,4m. Phía trước hướng ra Quốc lộ B là móng đá chẻ nhà bà H cách tường nhà bà (K) 40cm là ranh đất giữa 02 nhà không tranh chấp. Kéo dài đến phía sau là 18,4m. Móng đá chẻ nhà bà H cách nhà bà (Khen 10cm) phía sau. Phía móng đá chẻ phía trước không lấn, phía sau móng đá chẻ lấn sang 30cm, chiều dài 18,4m. Tổng diện tích lấn chiếm là 2,76m^2 đất [18,4m x (0,3m/2)]. Tổng diện tích bà H xây trên đất của bà là 2,76m^2 đất, thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ là thuộc quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị K. Bà đồng ý như ý kiến bà K trình bày.

Hiện nay toàn bộ diện tích đất này theo văn bản phân chia di sản ngày 17/3/2011 là đất thuộc quyền sử dụng của bà K. Ngày 11/12/2018, bà Khen t cho bà toàn bộ diện tích 124,2m^2 đất, thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ nhưng chưa sang tên đổi chủ, theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho bà Bùi Thị K và bên được tặng cho bà Trương Thị Huyền B, giữa bà K và bà B không tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho bà Bùi Thị K và bên được tặng cho bà Trương Thị Huyền B lập ngày 11/12/2018 đã được Phòng C1 tỉnh Lâm Đồng công chứng).

Do đó, bà đề nghị bà H trả lại cho bà 2,76m^2 đất, thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ và tháo dỡ hàng rào gạch, móng đá chẻ trả lại đất cho mẹ bà là bà K.

3.2. Ông Văn Bá V, ông Văn Bá P, ông Văn Bá S, bà Văn Thị Ngọc Q, ông Văn Bá N trình bày: Các ông bà có đơn xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 14/6/2023, Toà án nhân dân huyện Đức Trọng đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị K về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với bị đơn bà Phan Thị H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị K về việc yêu cầu bà Phan Thị H trả lại cho bà Bùi Thị K diện tích 2,76m^2 đất, thuộc 01 phần thửa đất số 233, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Giữ nguyên hiện trạng ranh đất giữa nhà bà Bùi Thị K và bà Phan Thị H là móng đá chẻ do bà Phan Thị H làm có chiều dài là 18,4m.

Xác định ranh đất giữa đất nhà bà Bùi Thị K và bà Phan Thị H là móng đá chẽ nhà bà Phan Thị H đã xây có chiều dài là 18,4m.

(Có hoạ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất đề ngày 05/8/2021 của Công ty TNHH A kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 15/6/2023, nguyên đơn bà Bùi Thị K kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị K bị bệnh nên xin vắng mặt và đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý cho bà Trương Thị Huyền B là con gái trình bày ý kiến tại phiên tòa thay bà. Bà B đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị K; bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án tới trước thời điểm nghị án Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị K, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị K đảm bảo về hình thức và thời hạn, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 279, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà K yêu cầu bà H trả lại cho bà 2,76m^2 đất, thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ và tháo dỡ hàng rào gạch, móng đá chẽ trên đất trả lại cho bà. Còn bị đơn bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà K nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị K thì thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì: Ngày 06/10/1993, ông Trương T (chồng bà K) được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 302m^2 đất, thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ mang tên Trương T. Đến ngày 09/7/2007, theo Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 05/8/2004 của UBND tỉnh L về việc thu hồi đất. Diện tích đất thu hồi 177,8m^2 đất (ODT), thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ. Còn lại diện tích 124,2m^2 đất (ODT), thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ. Ông Trương T chết năm 1995. Ngày 17/3/2011, gia đình bà K đã lập văn bản phân chia thừa kế được Phòng công chứng số 3 công chứng số 646/Q06 TP/CC – SCC/HĐGD ngày 17/3/2011, ngày 23/3/2011 được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trương T do UBND huyện Đ cấp ngày 06/10/1993. Theo nội dung Văn bản thì toàn bộ diện tích 124,2m^2 đất (ODT), thuộc 01 phần thửa đất số 224, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ nay là thửa đất số 229, tờ bản đồ số 13 (bản đồ đo năm 2006) thuộc quyền sử dụng của bà Bùi Thị K.

Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ có nguồn gốc do vợ chồng do vợ chồng bà H và ông Phan Tấn Đ1 nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn C ngày 22/6/1989. Vợ chồng ông Đ1, bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình bà H đã sử dụng ổn định từ năm 1989 cho đến nay.

Ranh giới phân định đất giữa nhà bà K và nhà bị đơn bà H được xác định là hàng rào móng đá chẻ, trên xây tường gạch, phần xây móng đá, hàng rào bà H thừa nhận do bà xây mục đích để phân định ranh giới đất giữa hai bên gia đình.

Căn cứ Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất và kết quả lồng ghép bản đồ

địa chính của Công ty TNHH A ngày 05/8/2021 thể hiện diện tích đất nguyên đơn bà K cho rằng bị đơn bà H sử dụng lấn chiếm diện tích là 2,76m^2 đất thuộc thửa số 223, tờ bản đồ số 13 (bản đồ đo năm 2006) không thuộc quyền sử dụng đất của bà K mà thuộc quyền sử dụng của bà H. Bà H không tranh chấp các phần đất khác và đồng ý xác định ranh đất nhà bà H và bà K là móng đá chẻ, tường xây do bà H xây từ năm 2019. Bà K cho rằng diện tích 2,76m^2 tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà nhưng không có chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh, do đó không có căn cứ để xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định diện tích đất tranh chấp 2,76m^2 thuộc một phần thửa 233, tờ bản đồ số 3, thị trấn L, Đ thuộc quyền sử dụng của bà Phan Thị H và xác định ranh giới đất giữa nhà bà H và bà K là móng đá chẻ do bà H xây có chiều dài 18,4m, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà K kháng cáo nhưng không có tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do bà K là người cao tuổi và đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị K.

Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị K về việc "*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*" đối với bị đơn bà Phan Thị H.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị K về việc yêu cầu bà Phan Thị H trả lại diện tích 2,76m^2, thuộc 01 phần thửa đất số 233, tờ bản đồ số 03, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Giữ nguyên hiện trạng ranh đất giữa nhà bà Bùi Thị K và bà Phan Thị H là móng đá chẻ, tường xây do bà Phan Thị H xây có chiều dài là 18,4m.

Xác định ranh đất giữa đất nhà bà Bùi Thị K và bà Phan Thị H là móng đá chẻ tường xây bà Phan Thị H đã xây có chiều dài là 18,4m.

(Có hoạ đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất đề ngày 05/8/2021 của Công ty TNHH A kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất là 8.287.260 đồng. Buộc bà Bùi Thị K phải chịu chi phí tố tụng này (bà Bùi Thị K đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất là 8.287.260 đồng).

3. Về án phí: Bà Bùi Thị K là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho bà Bùi Thị K theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0001189 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC (01);
- VKSND tỉnh LĐ (01);
- TAND huyện Đức Trọng (02);
- VKSND huyện Đức Trọng (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (08);
- Lưu AV – HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Vân